

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/DS-ST

Ngày: 16/8/2023

V/v tranh chấp “Chia thừa kế quyền
sử dụng đất; yêu cầu công nhận
quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Phạm Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2023/QĐST-DS, ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: 461C, tổ 23, khu 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1937; (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; (Có mặt)

Cùng Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Ho (Oằn), sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959; (có đơn xin vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1960; (có đơn xin vắng mặt)
 7. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1980; (Vắng mặt)
 8. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; (Vắng mặt)
 9. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; (Vắng mặt)
 10. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990; (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
11. Bà Võ Thị Mỹ Đ, sinh năm 1970; (Vắng mặt)
 12. Ông Nguyễn Văn Hoàng Th (Hoài Th), sinh năm 1995;
 13. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1989; (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
14. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; (Vắng mặt)
- Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa ông Bùi Quang N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Cha bà M là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1927, chết năm 2017, và mẹ là bà Nguyễn Thị G. Ông S, bà G có 06 người con gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ho, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T (Chết năm 2016, có vợ là Nguyễn Thị M, các con là Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn T) và Nguyễn Văn S (Chết năm 2000, có vợ là Nguyễn Thị Kiều O, các con là Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Th). Sinh thời, ông S có tạo lập được khối tài sản gồm: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 32, diện tích 2.114,9m² và thửa đất số 34 tờ bản đồ số 31 diện tích 107m² là đất nghĩa địa. Hai thửa đất cùng tọa lạc ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04046 và H04049 cùng ngày 27/10/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S. Trước khi chết, ông S đã lập di chúc để lại cho bà M 02 thửa đất trên, cụ thể: Di chúc ngày 06/01/2015 được lập tại Văn phòng công chứng Cai Lậy, nội dung di chúc để lại cho bà M phần đất diện tích 2.114,9m² thuộc thửa 13. Di chúc lập ngày 10/3/2015 với nội dung để lại thửa số 43, tờ bản đồ số 31, diện tích 107m² đất nghĩa địa. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 06/01/2015. Xin rút lại yêu cầu đối với di chúc lập ngày 10/3/2015. Đồng thời xin rút lại yêu cầu chia tài sản là căn nhà cấp 4 và các tài sản trong nhà.

Đối với yêu cầu phản tố của ông H yêu cầu công nhận phần diện tích 312m² và diện tích 1.365m² thuộc thửa số 13 (nay là thửa 59) diện tích 2.114,9m² mà ông S đã bán cho ông H, bà M không có ý kiến.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G có các con như bà M trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông có tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 32, diện tích 3.399,7m² và thửa đất số 34, tờ bản đồ số 31, diện tích 107m² cùng tọa lạc tại ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cả hai thửa này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S. Trong thửa đất số 13, diện tích 3.399,7m² thì ông S, bà G đã cho ông diện tích 1.000m² vào năm 2011, ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CH00381 ngày 05/8/2011. Do đó, thửa đất số 13 tách thành thửa số 59, diện tích còn lại là 2.114,9m². Và trong phần còn lại 2.114,9m² này, trước đây giữa ông và ông S có tranh chấp, ông S đòi ông phải trả lại 1.365m² nhưng không được Tòa án chấp nhận, thể hiện tại Bản án số 121/2009/DSPT ngày 02/3/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, thực tế ông sử dụng là 1401,1m². Năm 2017, ông S bán cho ông phần diện tích 42m² còn lại trong thửa 59 với giá 10.000.000 đồng để ông làm nơi đậu xe. Sau khi ông S mất, năm 2018 mẹ ông là bà G cùng các anh em trong gia đình tiếp tục bán cho ông diện tích 270m² của thửa số 59 với giá 40.000.000 đồng để xây dựng mồ mã cho ông S.

Nay bà M khởi kiện ông và bà G có ý kiến và yêu cầu phản tố như sau:

- Đối với di chúc do ông Nguyễn Văn S lập ngày 06/01/2015 thì ông H, bà G đồng ý hoàn giá trị kỷ phần cho bà M với số tiền 250.000.000đ. Đồng ý với việc rút yêu cầu của di chúc lập ngày 10/3/2015;

- Yêu cầu công nhận phần đất diện tích 1365m², (đo đạc thực tế là 1401,1m²) thửa 59 là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H do cha mẹ và các anh, chị, em đã bán cho ông H.

- Yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 312m² (trong đó gồm 42m² và 270m²) đo đạc thực tế 358m² thuộc thửa 59 là quyền sử dụng đất của cha mẹ đã bán cho ông H.

Ông H, bà G xin rút lại các yêu cầu phản tố sau:

- Yêu cầu công nhận phần đất còn lại diện tích 352,8m² thuộc thửa 59 và thửa 34 là tài sản của ông S, bà G. Ông S, bà G mỗi người ½ tài sản.

- Yêu cầu khấu trừ số tiền ma chay, mai táng phí cho ông S là 30.200.000đ vào ½ giá trị phần đất của ông S được chia có diện tích 176,4m² (1/2 diện tích 352,8m²) thuộc thửa 59.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế do ông S để lại đối với ½ thửa đất số 34 theo quy định pháp luật. Giao thửa đất số 34 cho bà G đại diện các đồng thừa kế quản lý sử dụng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Thông nhất lời trình bày và việc rút một phần các yêu cầu trên của con bà là ông Nguyễn Văn H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ho trình bày: Trước đây bà H, bà Ho có yêu cầu độc lập, nay 02 bà xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập của 02 bà, cụ thể xin rút các yêu cầu độc lập sau:

- Tuyên bố hai di chúc do ông Nguyễn Văn S lập ngày 06/01/2015 và ngày 10/3/2015 là vô hiệu.

- Công nhận phần đất diện tích còn lại là 352,8m² thuộc thửa 59 và thửa 34 là tài sản chung của ông S, bà G. Ông S, bà G mỗi người được ½.

- Yêu cầu khấu trừ số tiền lo ma chay, mai táng phí cho ông S là 30.200.000đ vào ½ giá trị phần đất của ông S được chia với diện tích 176,4m², thuộc thửa 59.

- Chia di sản thừa kế do ông S chết để lại đối với ½ thửa đất số 34 theo quy định pháp luật. Bà Ho, bà H yêu cầu nhận 01 kỷ phần bằng giá trị. Đồng thời bà Ho, bà H tặng cho kỷ phần của bà cho bà G, giá trị mỗi kỷ phần ước tính khoảng 20.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M là ông Bùi Quang N

xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin rút lại yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 10/3/2015. Yêu cầu công nhận di chúc ngày 06/01/2015 xin nhận giá trị kỷ phần theo di chúc với số tiền là 250.000.000đ, yêu cầu giao số tiền giá trị kỷ phần thừa kế này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông H, bà G thống nhất và đồng ý với ý kiến của đại diện ủy quyền của nguyên đơn. Ông H sẽ đại diện cho các đồng thừa kế của ông S đứng ra trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà M. Yêu cầu giao thừa số 43, tờ bản đồ số 31, diện tích 107m² đất nghĩa địa cho bà G quản lý sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ho, Nguyễn Thị H: thống nhất với ý kiến của đại diện ủy quyền của bà M, ông H, bà G, xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Ho, bà H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham dự phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận: Bà M nhận giá trị kỷ phần thừa kế theo di chúc ngày 06/01/2015 là số tiền 250.000.000đ, do ông H là đại diện cho các đồng thừa kế của ông S đứng ra chi trả số tiền này cho bà M. Thời gian thực hiện việc trả tiền là 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu công nhận di chúc ngày 10/3/2015 và yêu cầu chia căn nhà và tài sản trong nhà; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của bà G, ông H, bà Ho, bà H về chi phí mai táng và yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 10/3/2015 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông Nguyễn Văn H có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu độc lập của bà Ho, bà H yêu cầu chia tuyên bố vô hiệu 02 di chúc và khấu trừ tiền ma chay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu chia di sản thừa kế và công nhận quyền sử dụng đất” và thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại các khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị M1, anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu công nhận di chúc do ông Nguyễn Văn S lập vào ngày 06/01/2015 và xin rút lại yêu cầu đối với di chúc lập ngày 10/3/2015 yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần thừa kế với số tiền 250.000.000đ, trong thời gian 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét di chúc lập ngày 06/01/2015 có công chứng theo quy định tại Điều 657 của Bộ luật Dân sự. Theo nội dung di chúc để lại cho bà Nguyễn Thị M phần đất

2.114,9m² (Đo đạc thực tế là 2.114,5m²) là một phần của thửa 13 còn lại, được tách thành thửa 59 sau khi đã tặng cho một phần cho hộ ông Nguyễn Văn H. Các bên đương sự thống nhất thừa nhận nguồn gốc thửa đất 13 mà sau này tách thành thửa 59 là tài sản do ông S, bà G cùng tạo lập nên mỗi người được hưởng một nửa nhưng ông S lại tự mình định đoạt luôn cả phần của bà G là không phù hợp. Do đó, di chúc ngày 06/01/2015 chỉ có hiệu lực một phần đối với phần tài sản còn lại của ông S theo quy định tại khoản 3 Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà M được nhận là diện tích 335,7m², trong đó có 150m² đất ở và diện tích còn lại là đất cây lâu năm bà M nhận kỷ phần bằng giá trị đối với diện tích đất này là 250.000.000đ là phù hợp. Ông H, bà G, bà Ho, bà H cũng thống nhất đối với yêu cầu này của bà M. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia căn nhà và tài sản trong nhà và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 10/3/2015. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các bên đương sự, ông H đại diện cho các hàng thừa kế của cụ Sinh sẽ đứng ra trả số tiền 250.000.000đ này cho bà M, thực hiện trả trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Văn H:

Yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng 1.365m² trong thửa 59 (Đo thực tế là 1401,1m²) đã được tại giải quyết tại Bản án số 121/2009/DSPT ngày 02/3/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ. Đối với phần đất ông mua từ ông S với diện tích 42m² trong thửa 59, hiện ông đã sử dụng đất, bà G, bà M, bà H, bà Ho đều thừa nhận có việc mua bán sau khi ông S lập di chúc cho bà M. Đây được xem như trường hợp ông S điều chỉnh di chúc nên ông H yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất ở phần này là phù hợp. Đối với phần 270m² trong thửa 59 ông nhận chuyển nhượng từ bà G vào năm 2018, khi đó ông S đã chết và bà G có quyền sử dụng một nửa tài sản nên bà G có quyền chuyển nhượng cho ông H. Do đó, việc công nhận cho ông H được sử dụng phần đất này là đúng theo thỏa thuận giữa hai bên.

Đồng thời các bên đương sự cũng thống nhất giao thửa số 43, tờ bản đồ số 31, diện tích 107m² đất nghĩa địa, cho bà G quản lý sử dụng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các bên.

[5] Xét yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ho, Nguyễn Thị H: Yêu cầu tuyên bố hai di chúc do ông Nguyễn Văn S lập ngày 06/01/2015 và ngày 10/3/2015 là vô hiệu; Công nhận phần đất diện tích còn lại là 352,8m² thuộc thửa 59 và thửa 34 là tài sản chung của ông S, bà G. Ông S, bà G mỗi người được ½; Yêu cầu khấu trừ số tiền lo ma chay, mai táng phí cho ông S là 30.200.000đ vào ½ giá trị phần đất của ông S được chia với diện tích 176,4m², thuộc thửa 59; Chia di sản thừa kế do ông S chết để lại đối với ½ thửa đất số 34 theo quy định pháp luật. Bà Ho, bà H yêu cầu nhận 01 kỷ phần bằng giá trị. Đồng thời bà Ho, bà H tặng cho kỷ phần của bà cho bà G, giá trị mỗi kỷ phần ước tính khoảng 20.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Ho, bà H tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, nguyên đơn, bị đơn cũng không có ý kiến gì đối với việc rút yêu cầu độc lập này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ho, Nguyễn Thị H.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng này, xem như đã nộp xong chi phí tố tụng.

[7] Về án phí: Bà M có đơn xin miễn án phí Tòa án do là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Do yêu cầu của ông H được Tòa án chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí. Bà Ho, bà H được hoàn tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, 213, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 643, 649, 651, 659, của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản gồm 01 căn nhà cấp bốn và các tài sản trong nhà; Đình chỉ quyết đối với yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 10/3/2015.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M: Tuyên bố di chúc ngày 06/01/2015 của ông Nguyễn Văn S lập tại Văn phòng Công chứng Cai Lậy theo số công chứng 00044, quyển số 01/2015 DC có hiệu lực một phần đối với phần đất có diện tích 335,7m² là một phần thuộc thửa 13 (nay là thửa 59), tờ bản đồ 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04046 ngày 27/10/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S, đất tại ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H đại diện cho hàng thừa kế của ông S, trả cho bà Nguyễn Thị M giá trị kỷ phần thừa kế diện tích 335,7m² là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Thực hiện việc giao tiền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3/ Công nhận cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 1.401,1m² và 264,8m² theo Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 17/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là một phần của thửa 13 (thửa mới là thửa 59), tờ bản đồ 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04046 ngày 27/10/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S, tọa lạc ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có tứ cận như sau:

Phần đất diện tích 1401,1m²:

- + Hướng Đông giáp: Nguyễn Văn H;
 - + Hướng Tây giáp: Nguyễn Văn H, phần đất diện tích 264,8m² giao cho Nguyễn Văn H và phần đất 448,6m² bà Nguyễn Thị G đang canh tác;
 - + Hướng Nam giáp: Phạm Văn Xiêm;
 - + Hướng Bắc giáp: Nguyễn Văn Cung, Nguyễn Thị Út.
- Phần đất diện tích 264,8m²:
- + Hướng Đông giáp: Phần đất diện tích 1401,1m² của Nguyễn Văn H;
 - + Hướng Tây giáp: Phần đất 93,26m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cặp đường bê-tông 3,0m;
 - + Hướng Nam giáp: Phần đất 448,6m² bà Nguyễn Thị G đang canh tác;
 - + Hướng Bắc giáp: Nguyễn Văn H.

Có sơ đồ kèm theo là Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 17/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Văn H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất diện tích 1401,1m² và phần đất diện tích 264,8m² nêu trên.

4/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia di sản thừa kế do ông S để lại đối với ½ thửa đất số 34 theo quy định pháp luật;

5/ Đình chỉ đối với yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị G yêu cầu chia di sản thừa kế do ông S để lại đối với phần đất có diện tích 53,5m² (1/2 thửa đất số 34) theo quy định pháp luật.

6/ Giao thửa đất số 43, tờ bản đồ số 31, diện tích 107m² đất nghĩa địa, tọa lạc ấp 6, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị G đại diện cho hàng thừa kế ông S quản lý sử dụng.

7/ Đình chỉ yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ho, Nguyễn Thị H đối với yêu cầu chia di sản thừa kế do ông S để lại đối với ½ thửa đất số 34 theo quy định của pháp luật; Đình chỉ giải quyết đối với chi phí mai táng.

8/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 1.000.000 (Một triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15723 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ho mỗi người 500.000đ theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0016116, 0016117 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

9/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa